TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN T H** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Pc**

Bản án số: **21**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28-11-2019
V/v: TrAh chấp xin ly hôn.

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T H, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Vân Ah
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lịch
Bà PhA Thị Phượng

- T ký phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy - T ký Tòa án nhân dân quận T H, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T H *tham gia phiên tòa*:
Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T H, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 152/2019/TLST-HNGĐ, ngày 20/6/2019 về việc TrAh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12/11/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ah Chu Minh S, sinh năm 1980;** Hộ khẩu Tòng trú và nơi cư trú hiện nay: Số nhà 25, đường A D V, tổ 42, cụm 7, phường P T, T H, TP Hà Nội, có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: **Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1981;** Hộ khẩu Tòng trú và nơi cư trú cuối cùng: Số nhà 25, đường A D V, tổ 42, cụm 7, phường P T, T H, TP Hà Nội, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ah Chu Minh S trình bày: Ah và chị Nguyễn Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 23/3/2004 tại Ủy bA nhân dân phường P T, quận T H, Hà Nội.

Sau khi kết hôn Ah chị về chung sống cùng nhau tại nhà của bố mẹ đẻ Ah. Quá trình chung sống thời giA đầu vợ cHng sống hạnh Pc. Trước đây chị L làm nhân viên văn phòng ở một công ty ở gần nhà, còn Ah làm công nhân, đến năm 2014 chị L bàn với Ah, vợ cHng đi vay mượn mua xe ô tô để chị L đi buôn hàng từ cửa khẩu Tân ThAh về Hà Nội bán, còn Ah vẫn làm công nhân. Do chị L làm ăn thua lỗ nên đã phải bán cả ô tô để trả nợ và cả hai bên gia đình cũng phải hỗ trợ thêm vào trả nợ.

Đến khoảng tháng 5/2017 chị L bỏ nhà đi đến nay không về, vợ cHng ly thân từ đó đến nay. Cũng có lần Ah đã gọi điện cho chị L nói là nợ nần thì gia đình đã bán đất trả hết rồi, Ah nói chị L về với các con và gia đình nhưng chị L không về mà nói Ah là đồ hèn. Hiện chị L ở đâu Ah không biết, thỉnh thoảng chị L có gọi

điện thoại về cho các con hỏi thăm tình hình của các con nhưng không nói cho gia đình và Ah biết địa chỉ nơi ở mới của chị L. Ah S xác định tình cảm vợ cHng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, Ah xin được ly hôn chị L để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ah và chị L có ba con chung là Chu Linh GiAg, sinh ngày 02/7/2006; Chu Minh T, sinh ngày 17/3/2008 và Chu Văn P, sinh ngày 27/3/2014. Khi chị L bỏ đi cháu P mới được hơn hai tuổi, hiện Ah vẫn đAg ở cùng với bố mẹ đẻ và chị gái của Ah nên được sự hỗ trợ từ bố mẹ và chị gái trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con Ah. Ly hôn Ah đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả ba con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Hiện Ah đAg có việc làm ổn định, thu nhập khoảng 20.000.000đồng/tháng nên đảm bảo được việc nuôi dưỡng các con, ngoài ra Ah còn được sự hỗ trợ, giúp đỡ từ bố mẹ Ah về chỗ ở và kinh tế. Sau này nếu chị L quay về và có nguyện vọng muốn nuôi con Ah cũng đồng ý, không trAh chấp gì.

Về tài sản, nhà đất và công nợ chung: Ah S xác nhận vợ cHng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị L do không xác định được nơi ở hiện nay của chị L nên Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, chị L không có lời khai tại Tòa án.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T H phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng. Tòa án nhân dân quận T H thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, thu thập, công khai chứng cứ, hòa giải thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng các Điều 56,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 147, 221, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016 về án lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Ah S. Về con chung: Ah S, chị L có 03 con chung là Chu Linh GiAg, sinh ngày 02/7/2006, Chu Minh T, sinh ngày 17/3/2008 và Chu Văn P, sinh ngày 27/3/2014. Giao cho Ah S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 3 con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị L cho đến khi Ah S có yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác. Chị L có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Về tài sản, nhà đất và công nợ: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.Về án phí: Ah S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong H sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị L đăng ký hộ khẩu Tòng trú và nơi cư trú cuối cùng tại: Số nhà 25, đường A D V, tổ 42, cụm 7, phường P T, T H, Hà Nội, đến tháng 5/2017 chị L chuyển đi nơi khác, không thông báo nơi ở mới cho chính quyền địa phương cũng như Ah S biết. Theo quy định tại Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự thì nguyên đơn đã cung cấp đúng địa chỉ cư trú của người bị kiện, nhưng họ thay đổi nơi cư trú, không thông báo địa chỉ mới cho cơ quA, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về nơi cư trú, làm cho người khởi kiện không biết nhằm mục

đích che dấu địa chỉ thì xác định người bị kiện cố tình giấu địa chỉ và tiến hành giải quyết theo thủ tục chung. Căn cứ điều luật đã viện dẫn nêu trên, Tòa án nhân dân quận T H xác định bị đơn chị L cố tình dấu địa chỉ để giải quyết yêu cầu ly hôn của Ah S.

Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Bị đơn chị L vắng mặt không có lý do. Phiên tòa lần thứ nhất, ngày 12/11/2019 chị L vắng mặt nên HĐXX đã hoãn phiên tòa, phiên tòa hôm nay được mở đến lần thứ hai, chị L vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị L.

[2] Về nội dung: Ah S và chị L kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 23/3/2004 tại Ủy bA nhân dân phường P T, quận T H, Hà Nội, xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn vợ cHng giữa Ah S và chị L theo Ah S trình bày: Do bất đồng quA điểm sống, vợ cHng không có sự tôn trọng lẫn nhau, chị L không quA tâm đến gia đình, dẫn đến tình cảm vợ cHng không còn và đã ly thân từ tháng 5/2017 đến nay. Chị L đã bỏ đi, không liên lạc gì với Ah, Ah xin được ly hôn chị L để ổn định cuộc sống. Tòa án đã xác minh đại diện gia đình chị L, đại diện gia đình Ah S, công A phường P T; tổ dân phố nơi chị L, Ah S có hộ khẩu Tờng trú và là nơi cư trú cuối cùng của chị L. Kết quả đều không biết địa chỉ hiện nay của chị L. HĐXX xét thấy, việc chị L bỏ đi không cho Ah S biết tin tức, địa chỉ nơi ở hiện nay thể hiện chị L cố tình giấu địa chỉ. Ah, chị đã ly thân từ tháng 5/2017 đến nay, điều đó thể hiện chị L không có thiện chí hàn gắn, không mong muốn vợ cHng đoàn tụ nên việc hòa giải không thể thực hiện được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Ah S đối với chị L.

[3].Về con chung: Căn cứ lời khai của Ah S và giấy khai sinh do Ah S giao nộp và các tài liệu có trong H sơ: Xác định Ah S, chị L có ba con chung là cháu Chu Linh GiAg, sinh ngày 02/7/2006, cháu Chu Minh T, sinh ngày 17/3/2008, cháu Chu Văn P, sinh ngày 27/3/2014. Hiện cả ba cháu đAg ở cùng Ah S. Cháu T, cháu GiAg có nguyện vọng xin được ở với bố. Theo Ah S, hiện Ah có việc làm ổn định, từ khi chị L chuyển đi nơi khác đến nay các con Ah vẫn do Ah trực tiếp nuôi dưỡng, Ah ở cùng bố mẹ Ah nên có nhà cửa ổn định. Ly hôn Ah S xin được tiếp tục nuôi cả ba con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

HĐXX xét thấy, việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng phải đảm bảo quyền L của đứa trẻ. Từ tháng 5/2017 đến nay chị L bỏ đi, Ah S vẫn là người trực tiếp chăm sóc các con chung của Ah chị, đảm bảo điều kiện chăm sóc các cháu tốt. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của Ah S, giao cháu GiAg, cháu T, cháu P cho Ah S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của Ah S không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Chị L được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản: Động sản, bất động sản và công nợ chung: Ah S xác nhận vợ cHng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị L vắng mặt không có lời khai, do vậy HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Ah S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 147, 192, 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy bA Tòng vụ Quốc Hội quy định về chế độ án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Ah Chu Minh S. Ah Chu Minh S được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: Xác nhận Ah Chu Minh S và chị Nguyễn Thị L có ba con chung là: Chu Linh GiAg, sinh ngày 02/7/2006, Chu Minh T, sinh ngày 17/3/2008 và Chu Văn P, sinh ngày 27/3/2014.

Giao Ah Chu Minh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả ba con chung là Chu Linh GiAg, Chu Minh T và Chu Văn P đến khi con chung thành niên, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị L cho đến khi Ah S có yêu cầu hoặc khi có quyết định thay đổi khác. Chị L được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản: Động sản, bất động sản và công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

Về án phí: Ah Chu Minh S phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003564 ngày 20/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T H.

Ah S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND quận T H;*
- *CCTHADS quận T H;*
- *UBND phường P T (số đăng ký 43, quyển số 01/2004);*
- *Lưu HS/VP.*